| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 312/2023/QĐST-HNGĐ | *Quận 7, ngày 22 tháng 5 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 168/2023/HNST ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự :

1. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1981; địa chỉ: 9 H, phường P, Quận G, Thành Phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Lê Quang N, sinh năm 1977; địa chỉ: 9 T, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quang N và bà Nguyễn Thị Thu H tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2019, không tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10, đăng ký ngày 28/01/2019 tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp, do đó khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình chung sống, giữa ông N và bà H phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng khác biệt, bất đồng về quan điểm sống. Cả hai đã cùng nhau khắc phục, nhưng không có kết quả. Vợ chồng không còn chung sống, không quan tâm, không chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ nên cả hai yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy mục đích hôn nhân giữa ông N và bà H không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 29, đăng ký ngày 28/11/2019 tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; cùng lời thừa nhận của ông Lê Quang N và bà Nguyễn Thị Thu H, ông bà có 01 (một) con chung là Lê Quang P (nam), sinh ngày 02/05/2018.

Cả hai thỏa thuận, sau khi ly hôn giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng con chung; ông N cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng. Thực hiện việc cấp dưỡng từ ngày 01 đến ngày 10 (dương lịch) hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 06/2023 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Các đương sự thỏa thuận việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Trong trường hợp ông N chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông N còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ông N có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung và không ai được cản trở. Vì lợi ích của con trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Ông Lê Quang N và bà Nguyễn Thị Thu H xác nhận không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Ông Lê Quang N và bà Nguyễn Thị Thu H xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí việc dân sự: ông Lê Quang N và bà Nguyễn Thị Thu H chịu lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quang N và bà Nguyễn Thị Thu H thuận tình ly hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10, đăng ký ngày 28/01/2019 tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh)

1.2. Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 29, đăng ký ngày 28/11/2019 tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; cùng lời thừa nhận của ông Lê Quang N và bà Nguyễn Thị Thu H, ông bà có 01 (một) con chung họ và tên Lê Quang P (nam), sinh ngày 02/05/2018.

Sau khi ly hôn giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng con chung; ông N cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng. Thực hiện việc cấp dưỡng từ ngày 01 đến ngày 10 (dương lịch) hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 06/2023 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông N chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông N còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ông N có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung và không ai được cản trở. Vì lợi ích của con trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không có.

1.4. Về nợ chung: Không có.

**2.** Về lệ phí dân sự là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Lê Quang N và bà Nguyễn Thị Thu H chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0015712 ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông N và bà H đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thuần Phong**